

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 4, xã Bình T, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Phạm Minh L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 3, xã Bình T, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2017, bản tự khai ngày 14/11/2017, biên bản hòa giải ngày 24/01/2018, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thị Mỹ D trình bày:

Chị Trương Thị Mỹ D và anh Phạm Minh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã Bình T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/01/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chị Duyên và anh Lễ sống có hạnh phúc, đến tháng 02/2017 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phạm Minh L thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, không lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Anh Lễ nhấn tin vào máy điện thoại của chị Duyên với lời lẽ hăm dọa và có hành vi gây khủng hoảng tinh thần cho chị Duyên. Chị Duyên cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh Lễ để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, kết quả hôn nhân không đặc được và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay.

Tại tòa, chị Trương Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh Phạm Minh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 07/5/2005, Phạm Minh T, sinh ngày 20/9/2008. Hiện tại cả hai con chung đều đang sống chung với chị Duyên. Sau khi ly hôn, chị Duyên yêu cầu được nuôi hai con chung, đồng thời, không yêu cầu anh Lễ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 11/01/2018, biên bản hòa giải ngày 24/01/2018, bị đơn Phạm Minh L trình bày:

Anh Phạm Minh L thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Duyên về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Lễ thừa nhận trước đây lo ăn chơi, không lo xây dựng gia đình, tuy nhiên thời gian gần đây anh Lễ đã thay đổi, anh Lễ nhấn tin vào máy chị Duyên nhưng không phải để hăm dọa mà nan nỉ để vợ chồng đoàn tụ trở lại. Qua yêu cầu ly hôn của chị Duyên, anh Lễ không đồng ý, bởi vì anh Lễ còn thương chị Duyên, đồng thời mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án xem xét giải quyết cho chị Duyên và anh Lễ ly hôn, anh Lễ đồng ý để chị Duyên tiếp tục nuôi hai con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 07/5/2005, Phạm Minh T, sinh ngày 20/9/2008, anh Lễ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Trương Thị Mỹ D thực hiện

quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Phạm Minh L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Mỹ D đối với anh Phạm Minh L.

Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ D được tiếp tục nuôi 02 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 07/5/2005, Phạm Minh T, sinh ngày 20/9/2008 nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị Mỹ D về việc không yêu cầu anh Phạm Minh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà anh Lẽ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan cho nên xét xử vắng mặt anh Lẽ là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ D và anh Phạm Minh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, đồng thời hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 02/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị Duyên và anh Lẽ sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, chị Duyên và anh Lẽ ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau. Qua quá trình xác minh tại địa phương thì giữa anh Lẽ và chị Duyên đã phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Hành vi của anh Lẽ đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho mâu thuẫn vợ chồng của chị Duyên và anh Lẽ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị Duyên là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày

07/5/2005, Phạm Minh T, sinh ngày 20/9/2008. Hiện tại các cháu đều do chị Duyên nuôi dưỡng và phát triển bình thường, do đó cần giao các con chung cho chị Duyên nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư, cháu Tiên và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Duyên nuôi con chung và không yêu cầu anh Lễ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Duyên và anh Lễ khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Trương Thị Mỹ D phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ D và anh Phạm Minh L.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 07/5/2005, Phạm Minh T, sinh ngày 20/9/2008 cho chị Trương Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Trương Thị Mỹ D nuôi dưỡng con chung tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Minh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lễ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Duyên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lễ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và theo yêu cầu của chị Duyên, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trương Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Duyên đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006120 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đ. Vậy, chị Duyên đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- UBND xã Bình T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Hữu Lương